

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2024/DS-PT

Ngày 27- 3 - 2024

V/v: “Yêu cầu mở lối đi
qua bất động sản liền kề”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết .

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm, bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 và ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 500/2023/DS - PT ngày 13/12/2023 về việc: “Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm: 41/2023/DSST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn H, bà Trần Thị L; địa chỉ: Thôn F, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tiến T – Văn phòng L4 – Đoàn luật sư tỉnh Đ (có mặt).

Địa chỉ: C N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1; địa chỉ: B T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Văn T1: Ông Phạm Anh L2; địa chỉ: B T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K, B;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Văn Tấn V – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K, B; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Văn H, bà Trần Thị L trình bày:

Ngày 17/01/2011, vợ chồng ông H, bà L có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Bá P, bà Nguyễn Thị Út H1 một lô đất rẫy khoảng 9.000m², tại thôn F, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các bên chỉ lập “Giấy sang nhượng đất rẫy cà phê” có xác nhận của Ban tự quản thôn E, xã T. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông H, bà L đã sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.

Ngày 29/10/2015, ông H, bà L được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 643140, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Thôn F, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 5.448,3m² đất trồng cây lâu năm. Còn lại diện tích khoảng 4.000m² đất tuy chưa được cấp Giấy chứng nhận vẫn do gia đình ông H, bà L quản lý, sử dụng.

Từ khi nhận chuyển nhượng thửa đất đến đầu năm 2018, ông H, bà L vẫn sử dụng lối đi là con đường nối từ đường liên thôn vào, lối đi có chiều rộng khoảng 03m và chiều dài khoảng hơn 250m. Do thiếu hiểu biết pháp luật, mặt khác theo sơ đồ trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H, bà L, cấp cho ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1, cấp cho ông Đình Công T2 và cấp cho bà Đình Thị T3 đều thể hiện có con đường đi qua nên ông H, bà L nghĩ rằng đây là đường đi chung được nhà nước công nhận. Đến đầu năm 2018 thì ông T1, bà L1, ông T2 và bà T3 khóa cổng, không cho ông H, bà L đi trên con đường này thì ông H, bà L đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu xem xét giải quyết. Ngày 16/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã xét xử sơ thẩm, tại Bản án số 09/2020/DS-ST “V/v tranh chấp lối đi chung” đã tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H, bà Trần Thị L, về việc yêu cầu công nhận con đường có chiều rộng 03m, chiều dài 250m, tọa lạc tại: Thôn F, xã T, huyện K là đường đi chung.

Như vậy, thửa đất của gia đình ông H, bà L bị vây bọc bởi các thửa đất liền kề nên không có lối đi ra đường công cộng.

Theo quy định của Điều 254 Bộ luật Dân sự về quyền về lối đi qua thì:

“1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các

chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác...”

Trong quá trình giải quyết vụ án trước đây, ông Phạm Văn T1 có ý kiến: Nếu ông Phan Văn H, bà Trần Thị L yêu cầu mở con đường thuận tiện để đi vào rẫy thì gia đình tôi đồng ý mở con đường như ông H, bà L yêu cầu nhưng ông H, bà L phải mua con đường để đi theo giá trị hợp lý.

Vì vậy, ông H, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1 phải mở cho ông H, bà L một lối đi từ diện tích đất của ông T1, bà L1 cho đến đường công cộng, với chiều rộng 03m, chiều dài 93,6m, diện tích 280,8m² thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6, tại Thôn F, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 15.347,2m², đứng tên ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1; con đường có tứ cận như sau: Phía Đông giáp rẫy của vợ chồng ông H, bà L phần đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có cạnh dài 03m; Phía Tây giáp đường đi (đường công cộng), có cạnh dài 03m; Phía Nam giáp đất rẫy ông Nguyễn Văn S, có cạnh dài 93,6m; Phía Bắc giáp đất rẫy ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1, có cạnh dài 93,6m.

Diện tích đất 280,8m² mà ông H, bà L yêu cầu ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1 phải mở đường và tài sản trên đất theo biên bản định giá tài sản ngày 19/10/2022 của Hội đồng định giá huyện K, có giá trị là 90.475.000 đồng. Ông H, bà L có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản cho ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị L, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Nguyễn Tiến T tự nguyện thanh toán giá trị đất và tài sản trên đất cho ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1 số tiền 100.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Vào năm 1988, gia đình bà L1 có khai hoang được 01 lô đất rẫy với diện tích khoảng 29.000m², tại thôn F, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thời điểm này đất thuộc quản lý của Nông trường Đ (nay là Công ty C). Gia đình bà L1 sử dụng toàn bộ diện tích đất này và trồng cây cà phê trên đất. Đến ngày 21/7/2015 thì được Ủy ban nhân dân huyện K cấp 03 giấy CNQSDĐ đứng tên ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1, thuộc các thửa đất số 48, tờ bản đồ số 05, có diện tích 4.402,1m²; thửa đất số 49, tờ bản đồ số 06, diện tích 15.347,2m², thửa đất số 49, tờ bản đồ số 06, diện tích 10.725,1 m².

Nay ông Phan Văn H, bà Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình bị đơn phải mở cho ông H, bà L một lối đi từ lô đất của gia đình bị đơn khoảng 280,8m², thuộc một phần diện tích đất của lô đất có diện tích 15.347,2m², thửa đất số 49, tờ bản đồ số 06, tại thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, con đường có tứ cận:

Phía Đông giáp rẫy của vợ chồng ông H, bà L phần đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có cạnh dài 3m; phía Tây giáp đường đi (đường công cộng), có cạnh dài 3m; phía Nam giáp đất rẫy ông Nguyễn Văn S, có cạnh dài 93,6m; phía Bắc giáp đất rẫy ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1, có cạnh dài 93,6m.

Ông T1, bà L1 không đồng ý yêu cầu của ông Phan Văn H, bà Trần Thị L với lý do: Ông T1, bà L1 đã bán một phần đất cho con gái và con rể mà chưa làm giấy tờ sang nhượng; Hơn nữa, gia đình ông T1, bà L1 còn thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn tại Ngân hàng N1 chi nhánh huyện K. Mặt khác, ông T1, bà L1 không liên quan đến việc, chuyển nhượng đất giữa ông H, bà L với ông Nguyễn Bá P, bà Nguyễn Thị Út H1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị L1, đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Phạm Văn L3 chỉ đồng ý mở một lối đi có chiều rộng 01m trên diện tích đất của ông T1, bà L1 cho ông H, bà L làm đường đi với giá tiền là 50.000.000 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Văn Tấn V trình bày:

Ngày 04/10/2022, ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị L1 đã ký Hợp đồng tín dụng số 5226LAV202200789 với Ngân hàng N Chi nhánh huyện K - Bắc Đ vay số tiền là 120.000.000 đồng; Thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 04/10/2022 đến ngày 04/10/2024).

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, vợ chồng Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị L1 đã thế chấp các tài sản sau đây:

Tại hợp đồng thế chấp số 066048003083/HĐTC ngày 30/09/2022 (đã đăng ký giao dịch đảm bảo), tổng giá trị tài sản thế chấp: 583.193.600 đồng (Năm trăm tám mươi ba triệu một trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm đồng), cụ thể chi tiết về tài sản như sau:

+ Quyền sử dụng đất số: BT 147578 cấp ngày 21/07/2015 có diện tích là 15.347,2 m² đất ở thửa đất số 49, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: Xã T, Huyện K, Tỉnh Đắk Lắk do Ủy ban nhân dân Huyện K cấp đứng tên Ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị L1.

Hiện nay khách hàng và tài sản thế chấp đang có liên quan đến việc khởi kiện tranh chấp về việc yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề theo đơn khởi kiện của ông Phan Văn H, bà Trần Thị L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Do khoản vay chưa đến thời hạn trả nợ nên Ngân hàng không có yêu cầu độc lập.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DSST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 254 Bộ luật dân sự; Điều 171 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 47 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn H, bà Trần Thị L.

1. Buộc ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1 phải dành cho ông Phan Văn H, bà Trần Thị L một lối đi từ lô đất của ông H, bà L đến đường công cộng (đường bê tông liên thôn), thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6, diện tích 15.347,2m² đứng tên ông T1, bà L1, địa chỉ thửa đất, thôn F, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vị trí tứ cạnh lối đi như sau:

Phía Đông giáp rẫy của vợ chồng ông H, bà L phần đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có cạnh dài 3m;

Phía Tây giáp đường đi (đường công cộng), có cạnh dài 3m;

Phía Nam giáp đất rẫy ông Nguyễn Văn S, có cạnh dài 93,6m;

Phía Bắc giáp đất rẫy ông T1, bà L1, có cạnh dài 93,6m.

Tổng diện tích lối đi mà ông T1, bà L1 phải dành cho ông H, bà L là 280,8m².

Ông Phan Văn H, bà Trần Thị L, ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách quyền sử dụng lối đi theo quy định của pháp luật.

2. Ông Phan Văn H, bà Trần Thị L có trách nhiệm thanh toán giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1 số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2023, bị đơn ông Phạm Văn T1 kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm để lập hội đồng định giá lại tài sản thiệt hại để có cơ sở bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể: Ông Phan Văn H, bà Trần Thị L thỏa bồi thường thiệt hại về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1 số tiền 140.000.000 đồng (*một trăm bốn mươi triệu đồng*) để ông T1, bà L1 mở lối đi có kích thước chiều ngang 03 mét, chiều dài hết đất với diện tích 280,8m² (3m x 93,6m), thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6, diện tích 15.347,2 m² địa chỉ thửa đất, thôn F, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận việc các bên đã bàn giao tiền và đo đạc đất, phát dọn đất để mở lối đi như nội dung thỏa thuận nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 300 BLTTDS, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể như sau: Ông Phan Văn H, bà Trần Thị L thỏa bồi thường thiệt hại về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1 số tiền 140.000.000 đồng (*một trăm bốn mươi triệu đồng*) để ông T1, bà L1 mở lối đi có kích thước chiều ngang 03 mét, thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6, diện tích 15.347,2 m² địa chỉ thửa đất, thôn F, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vị trí tứ cận lối đi như sau:

Phía Đông giáp rẫy của vợ chồng ông H, bà L phần đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có cạnh dài 3m;

Phía Tây giáp đường đi (đường công cộng), có cạnh dài 3m;

Phía Nam giáp đất rẫy ông Nguyễn Văn S, có cạnh dài 93,6m;

Phía Bắc giáp đất rẫy ông T1, bà L1, có cạnh dài 93,6m.

Tổng diện tích lối đi mà ông T1, bà L1 dành cho ông H, bà L là 280,8m².

Mặt khác, tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận việc các bên đã thực hiện xong việc bàn giao tiền bồi thường và bàn giao lối đi như nội dung thỏa thuận nêu trên.

Xét thấy, việc thỏa thuận giải quyết vụ án của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 300 BLDS 2015 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp.

[2] Về chi phí tố tụng: Ông H, bà L phải chịu số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông H, bà L đã nộp tại Tòa án và đã chi phí xong.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ Điều 12; Điều 26; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1 là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Phan Văn H, bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Phạm Văn T1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 5; Điều 300; Điều 304; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DSST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm với những nội dung sau:

[1.1] Ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1 mở cho ông Phan Văn H, bà Trần Thị L một lối đi từ thửa đất của ông H, bà L đến đường công cộng (đường bê tông liên thôn), thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6 theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BT 147578; địa chỉ thửa đất: Xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 21/07/2015 cho ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị L1, lối đi có vị trí tứ cận lối đi như sau:

Phía Đông giáp rẫy của vợ chồng ông H, bà L phần đất ông H, bà L chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có cạnh dài 03m;

Phía Tây giáp đường đi (đường công cộng), có cạnh dài 03m;

Phía Nam giáp đất rẫy ông Nguyễn Văn S, có cạnh dài 93,6m;

Phía Bắc giáp đất rẫy ông T1, bà L1, có cạnh dài 93,6m.

Tổng diện tích mà ông T1, bà L1 phải mở lối đi cho ông H, bà L là 280,8m².

[1.2] Ông Phan Văn H, bà Trần Thị L có trách nhiệm thanh toán tiền bồi thường thiệt hại về đất và tài sản gắn liền với đất đối với phần diện tích 280,8m² (diện tích đất ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1 mở lối đi cho ông H, bà L) là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Ông Phan Văn H, bà Trần Thị L, ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L1 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng lối đi theo quy định của pháp luật.

[2] Về chi phí tố tụng, án phí:

[2.1] Về chi phí tố tụng: Ông H, bà L phải chịu số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng ông H, bà L đã nộp tại Tòa án và đã chi phí xong.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Văn T4, bà Nguyễn Thị L1.

Ông Phan Văn H, bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Được nhận lại 1.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0020608 ngày 15/7/2022 do ông Phan Văn H và bà Trần Thị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

[2.3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Phạm Văn T1.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đinh Thị Tuyết